| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 10 - THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Lê Văn Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá tham gia phiên toà:*** Bà Quách Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H; sinh năm: 1993; nơi cư trú: Thôn C, xã N, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn L; sinh năm: 1994; nơi cư trú: Thôn C, xã N, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị H, anh L. Chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn L kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 2011, nhưng mãi đến ngày 19/5/2014 mới đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã N, tỉnh Thanh Hoá). Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 08 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, anh

L nhiều lần uống rượu say về chửi bới, đánh đập chị. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu T, sinh ngày 13/3/2012 và cháu Lê Bảo T1, sinh ngày 03/4/2018. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T; giao cháu T1 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn L trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng cãi cọ, xô xát với nhau. Sau đó, vợ chồng tự hoà giải nhưng chỉ được thời gian mẫu thuẫn lại tiếp tục xảy ra. Đến năm 2022, chị H đi làm ăn xa, vợ chồng không thường xuyên gặp gỡ nên chị H dần lạnh nhạt với anh. Tuy nhiên, anh vẫn còn rất yêu thương chị H. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu T, sinh ngày 13/3/2012 và cháu Lê Bảo T1, sinh ngày 03/4/2018. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1; giao cháu T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh L không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Văn L. Giao cháu Lê Thị Thu T, sinh ngày 13/3/2012 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Bảo T1, sinh ngày 03/4/2018 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Văn L, nơi cư trú tại Thôn C, xã N, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị Lê Thị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Văn L lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh L vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị H, anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/5/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã N, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Chị H cương quyết muốn được ly hôn. Anh L không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xô xát nhau, và mâu thuẫn liên tiếp xảy ra. Điều đó chứng tỏ chị H, anh L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh L.

[3] Về con chung: Chị H và anh L có 02 con chung. Chị H và anh L đã tự nguyện thống nhất về việc giao người trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu T có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, cháu T1 có nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị H và anh L: giao cháu T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu T1 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị H, anh L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn L có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu T, sinh ngày 13/3/2012 và cháu Lê Bảo T1, sinh ngày 03/4/2018. Giao cháu T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu T1 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị H, anh L không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0007661 ngày 29/7/2025. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị H, anh L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Nguyệt Ấn;
- THADS cấp tỉnh;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Thịnh**